

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/DS-PT
Ngày: 15- 01 - 2018
V/v tranh chấp về bồi thường thiệt
hại ngoài hợp đồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Hồ Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 232/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Quang L, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 301, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Võ Thanh V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Thanh N, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ 301, ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Quang L – nguyên đơn.
(Ông L có mặt, bà N và ông V vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Quang L trình bày:

Ông nuôi tôm tại 03 thửa đất số 418, 1110, 484. Tôm nuôi tại thửa đất 484 ông thu hoạch xong vào ngày 15/10/2015, nhưng khi ông để thùng tôm trên lối đi liên xóm thì bị đơn ông Võ Thanh V không cho nên giữa ông với ông V xảy ra mâu thuẫn và được Ban ấp Đ, xã P hòa giải ngày 23/10/2015. Vào 23 giờ ngày 23/10/2015 đầm tôm ông nuôi tại thửa đất số 418, 1110 có tổng diện tích theo giấy là 4.941 m² trừ diện tích khu nhà của ông khoảng 700m² nên diện tích ông nuôi tôm khoảng 4.200 m² nhưng nhập lại thành 01 đầm nuôi tôm bị sự cố phải kéo bán, lúc đó tôm ông nuôi được 01 tháng 20 ngày, thông thường tôm nuôi khoảng từ 02 tháng đến 02 tháng 15 ngày thì thu hoạch nhưng ông V ngăn cản không cho xe hon da ông thuê vào để chở tôm đi bán. Vợ ông là Đặng Thị Thanh N năn nỉ ông V nhưng ông V không cho. Nên ông chuyển sang đi bộ nhưng ông V vẫn không cho. Trong khi ông đã kéo tôm lên được một ít nhưng không biết được bao nhiêu, do không thể chở cũng như đem ra ngoài để đi bán nên ông phải bỏ tôm xuống đầm và dừng việc kéo tôm. Qua ngày hôm sau tôm bắt đầu chết, 03 đến 04 ngày sau là chết toàn bộ, ông phải bơm, hút lên bỏ nhưng không biết số tôm của ông bị chết là bao nhiêu. Ông V không cho ông chở, đem tôm ra ngoài cũng như ngăn cản không cho gia đình ông đi trên đường đi liên xóm trong 10 ngày kể từ ngày 23/10/2015. Ngày 24/10/2015 ông V còn dỡ tấm đan xi măng trên đường đi không cho đi, ông báo Công an xã P, sau khi giải quyết ông V bỏ tấm đan xuống trong cùng ngày nhưng ông V nói chỉ cho đi bộ không được mang, chở tài sản (hàng hóa). Đến ngày 03/11/2015 chính quyền địa phương xuống giải quyết, có lập biên bản và từ ngày 03/11/2015 ông V cho đi lại bình thường. Việc ông V ngăn cản không cho ông chở, đem tôm ra ngoài đi bán và sau đó tôm của ông bị chết đã gây thiệt hại cho ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Thanh V phải bồi thường cho ông số tiền là 79.620.000 đồng gồm: 2.450.000 đồng chi phí xử lý ao trước khi thả tôm; tôm giống 19.600.000 đồng; thức ăn tôm 51.810.000 đồng; trả tiền công thuê 04 xe hon da chở tôm 560.000 đồng; trả công 02 người kéo tôm 200.000 đồng; công giữ đầm tôm 5.000.000 đồng trong 01 tháng 20 ngày, ông không thuê người mà ông trực tiếp giữ đầm tôm nên phải trả tiền công ông giữ đầm tôm vì nếu ông không giữ thì ông phải trả tiền thuê người giữ đầm tôm 3.000.000 đồng/tháng.

Về lối đi: Để vào được đầm tôm và nhà của ông thì ông phải đi lối đi liên xóm, lối đi này có trước năm 1975, rộng 1,2m, người dân mới góp tiền đổ bê tông

cách nay khoảng 09 năm, chiều rộng của đường đổ bê tông khoảng 0,6 m phần còn lại là đất. Đây là lối đi duy nhất vào đầm tôm và nhà của ông. Ông V cũng sử dụng lối đi này. Giữa các đầm tôm có bờ đi nhưng cho dù nếu đi được trên các bờ đi giữa các đầm tôm thì cũng phải ra lại lối đi mà ông V ngăn cản. Trong khi ngoài hai đầm tôm của ông thì các đầm tôm xung quanh hầu hết là của ông V, anh em ông V và những người bà con của ông V. Còn đi bằng đường qua sông có cầu nhỏ bằng cây bắc qua sông, chiều dài khoảng 10 m thì xa và chỉ đi bộ, không thể vận chuyển hàng hóa, phải vòng qua xóm khác để ra ngoài nhưng để đi được qua cầu nhỏ bắc qua sông cũng phải ngang qua đất gia đình ông V.

Tại bản tự khai ngày 22/02/2016, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Thanh V trình bày:

Ông nuôi tôm tại thửa đất số 482 giáp với thửa đất 484 của ông Hồ Quang L và phía bên đối diện đầm tôm của ông L (cách lối đi) là thửa 486 do em ông là Võ Văn H đứng tên quyền sử dụng đất nhưng ông cùng anh ông là Võ Văn C nuôi tôm. Vào ngày 15/10/2015 ông L kéo tôm lúc đó khoảng 10 thùng tôm để trên lối đi thuộc đất của gia đình ông, gây mất vệ sinh đồng thời nước kéo tôm sẽ chảy xuống đầm tôm của ông, lúc đó ông cũng đang nuôi tôm nên sẽ gây thiệt hại cho tôm của ông nên ông không cho ông L để. Trước đó ông có nói ông L đem để chỗ khác để không ảnh hưởng đến ông. Ban áp đã hòa giải vào ngày 23/10/2015, có lập biên bản lúc 13 giờ 30 cùng ngày. Khi áp hòa giải, ông hỏi đơn này ở đâu chuyển đến thì áp trả lời không biết nên ông mới nói kể từ 18 giờ ngày 23/10/2015 ông chỉ cho quyền đi bộ không được mang tài sản, hàng hóa, không được vận chuyển tài sản, hàng hóa kể cả dùng xe hay đi bộ. Vào đêm 23/10/2015 ông L kéo tôm, ông có ra ngăn cản và nói chỉ cho đi bộ, không được vận chuyển tài sản, hàng hóa kể cả dùng xe hay đi bộ. Ông L muốn vận chuyển tài sản, hàng hóa thì phải đi bằng đường khác vì ngoài lối đi trên đất gia đình ông mà ông ngăn cản không cho ông L vận chuyển thì muốn đi vào đầm tôm của ông L còn có đường khác. Nhưng có thể do xa và phải qua sông nên ông L không chịu vận chuyển, tuy nhiên để đi cầu nhỏ bắc qua sông cũng phải ngang qua đất của gia đình ông. Đồng thời, ngoài hai đầm tôm của ông L thì các đầm tôm xung quanh đều là của ông, anh em ông và những người bà con của ông. Ngày 24/10/2015 ông có dỡ tấm đan xi măng trên lối đi không cho đi, cùng ngày Công an xã đến giải quyết nên ông thả tấm đan xuống nhưng ông nói phần đất lối đi ông không cho ông L đi là thuộc quyền sử dụng của ông, ông chỉ cho gia đình ông đi bộ, không được vận chuyển tài sản, hàng hóa kể cả dùng xe hay đi bộ. Đến ngày 28 hay 29/10/2015 chính quyền địa phương xuống gặp ông và nói với ông là để cho đi, chạy xe, vận chuyển bình thường khi nào giải quyết xong vụ tranh chấp lối đi rồi tính sau.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông bồi thường số tiền 79.620.000 đồng (Bảy mươi chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) gồm những khoản mà ông L yêu cầu

thì ông không đồng ý bồi thường cho ông L bất kỳ khoản nào. Vì ông hoàn toàn không biết việc tài sản của ông L bị thiệt hại và ông không gây thiệt hại cho ông L và không biết ông L bị thiệt hại bao nhiêu, ông L đã nuôi tôm được bao nhiêu ngày, ông cũng không biết nếu thuê người giữ tôm thì phải trả bao nhiêu tiền vì hầu hết mọi người đều bỏ công của mình ra làm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị Thanh N trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu của chồng bà ông Hồ Quang L. Tài sản bị thiệt hại là tài sản chung của vợ chồng bà nhưng bà không khởi kiện mà để chồng bà khởi kiện yêu cầu ông V phải bồi thường toàn bộ thiệt hại nêu trên cho chồng bà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 26/2012/DS-ST ngày 09-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An đã quyết định:

Áp dụng khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, khoản 1 Điều 604, khoản 1 Điều 606, Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Quang L đối với bị đơn ông Võ Thanh V. Buộc bị đơn ông Võ Thanh V bồi thường cho ông Hồ Quang L số tiền là 760.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), gồm 560.000 đồng tiền thuê xe hon da để chở tôm và 200.000 đồng tiền công người kéo tôm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Quang L đối với bị đơn ông Võ Thanh V về việc yêu cầu bồi thường chi phí xử lý đầm nuôi tôm, mua tôm giống, thức ăn tôm, công giữ đầm tôm với tổng số tiền là 78.860.000 đồng (Bảy mươi tám triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 23/8/2017, nguyên đơn ông Hồ Quang L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý việc Tòa án xử bác yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 78.860.000 đồng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông V bồi thường 78.860.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Hồ Quang L trình bày:

Ông V bất chấp pháp luật, bỏ đi công cộng mà ngăn cản không cho ông đi, dù trước mặt Công an mà vẫn có hành vi ngăn cản không cho ông bung tôm đi bộ qua con đường này để bán tôm làm cho đầm tôm của ông bị chết không bán được. Nếu kéo lên hết khoảng 1.300kg, giá thị trường lúc đó 80.000đ/kg, thành tiền 104.000.000 đồng nhưng ông chỉ yêu cầu trả tiền vốn đầu tư nuôi tôm là 79.620.000 đồng. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông V bồi thường 78.860.000 đồng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của nguyên đơn được làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Con đường mà ông V ngăn cản không cho ông L vận chuyển tôm đi bán là con đường duy nhất. Hành vi ngăn cản của ông V đã gây thiệt hại về tài sản cho ông L nên phải bồi thường. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông V bồi thường thiệt hại cho ông L số tiền 760.000 đồng là chưa xem xét toàn diện vụ án. Ông L có bỏ ra chi phí đầu tư cho mỗi đầm tôm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chi phí đầu tư của mỗi đầm tôm để buộc ông V phải bồi thường cho ông L chi phí đầu tư đối với đầm tôm bị ông V ngăn cản không cho vận chuyển tôm đi bán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà bà Đặng Thị Thanh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Võ Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Hồ Quang L:

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C thể hiện, ông Hồ Quang L có đầm tôm tại thửa 418 và thửa 1110, cùng tờ bản đồ số 6, tại ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Từ đầm tôm của ông Hồ Quang L có một lối đi chung dẫn ra con đường lớn đến Ủy ban nhân dân xã P; có một cây cầu khỉ bắc qua sông để đi qua xóm khác, cầu khỉ nằm về phía hướng đất của ông V, muốn qua cầu khỉ phải đi qua phần đất của ông V.

Ngày 15/01/2018 Ủy ban nhân dân xã P xác nhận: “Con đường chính theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện C là lối đi duy nhất để gia đình ông L vận chuyển tôm ra đường giao thông công cộng đi bán. Đường này đã được nhân dân trong khu vực bê tông hóa. Thông thường người dân địa phương khi bán tôm bằng xe gắn máy, cho tôm vào thùng khoảng 50kg, ngoài ra còn có nước và trọng lượng thùng khoảng 20kg, bên cạnh đó là máy chạy ô xy và bình ắc quy khoảng 10kg. Tổng cộng là 80kg. Đường có cây cầu bắc qua sông dài khoảng 20m chỉ để đi bộ vì cầu bằng gỗ tạp, tròn. Đường này không thể vận chuyển thùng tôm 80kg”.

Lời xác nhận cùng ngày 05/12/2017 của ông Đặng Văn M, ông Nguyễn Văn N và ông Nguyễn Văn Đ phù hợp với xác nhận Ngày 15/01/2018 Ủy ban nhân dân xã P.

Lúc 23 giờ ngày 23/10/2015 đầm tôm ông L (thửa 418 và thửa 1110) nuôi gặp sự cố phải kéo bán nhưng ông V ngăn cản không cho ông L vận chuyển tôm ra đường lớn để đi bán kể cả bằng xe honda hay đi bộ. Ông V cho rằng, lối đi đó thuộc quyền sử dụng đất của ông V. Tuy nhiên, qua xác minh đây là con đường đi chung đã có từ lâu, được các hộ dân đóng góp đổ bê tông đến nay đã được khoảng 08 năm. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, xác nhận của Ủy ban nhân dân xã P, của những người làm chứng, có căn cứ khẳng định phần lối đi mà ông V ngăn cản (lối đi chung dẫn ra con đường lớn đến Ủy ban nhân dân xã P) là lối đi duy nhất ông L sử dụng để đi vào nhà và đầm tôm của ông L. Nên khi ông V ngăn cản thì ông L không còn lối đi nào khác để vận chuyển tôm đi bán. Ông V cũng thừa nhận là ông V ngăn cản không cho ông L chở, mang tài sản ra ngoài, chỉ cho đi bộ. Ông L định bung từng rổ tôm đi bộ qua lối đi này nhưng ông V vẫn không cho. Ngày 24/10/2015 ông V còn dỡ tấm đan xi măng trên đường đi không cho ông L đi. Hành vi ngăn cản của ông V không cho ông L vận chuyển tôm đi bán trên con đường đi chung đã có từ lâu là hành vi trái pháp luật, ông V là người có lỗi. Ông V cũng có nuôi tôm nên ông phải biết khi tôm gặp sự cố không đem đi bán được thì tôm sẽ chết dẫn đến thua lỗ trong chăn nuôi, nhưng ông V chỉ cho ông L đi bộ, không được vận chuyển hàng hóa nên đã gây thiệt hại cho ông L. Do đó, ông V phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông L. Do ông V ngăn cản không cho ông L vận chuyển tôm đi bán nên ông L không tiếp tục kéo tôm lên nữa, qua ngày sau và những ngày tiếp theo thì tôm trong đầm bị chết hết và ông L đã thuê người dùng máy hút tôm chết và bùn ra

khởi đầm tôm nên không thể xác định được trọng lượng tôm trong đầm bị chết để tính thiệt hại, thực tế ông L có bị thiệt hại về tài sản, do không xác định được số tôm chết nhưng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L cần buộc ông V phải bồi thường chi phí đầu tư cho ông L để hạn chế, khắc phục thiệt hại là phù hợp với Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc ông V bồi thường cho ông L tiền công người kéo tôm 200.000 đồng và tiền công thuê 04 xe hon da chở tôm 560.000 đồng, tổng cộng 760.000 đồng là chưa phù hợp với thiệt hại mà ông V đã gây ra đối với ông L.

Xét kháng của ông L yêu cầu ông V phải bồi thường các khoản: 2.450.000 đồng chi phí xử lý ao trước khi thả tôm, thức ăn tôm 51.810.000 đồng, hai khoản này có văn bản xác nhận ngày 08/4/2016 của ông Nguyễn Tèo E là chủ đại lý bán thức ăn chăn nuôi, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P; tôm giống 19.600.000 đồng, có hóa đơn của Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất thủy sản A ngày 03/9/2015; công giữ đầm tôm 5.000.000 đồng trong 01 tháng 20 ngày, là phù hợp với thực tế tại địa phương. Tổng cộng các khoản là 78.860.000 đồng. Đây là chi phí đầu tư của đầm tôm tại thửa 418 và thửa 1110.

Yêu cầu khởi kiện của ông L đối với các khoản nêu trên là có căn cứ nên chấp nhận, sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông V phải bồi thường cho ông L các khoản nêu trên là 78.860.000 đồng và hai khoản đã được Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận, không có kháng cáo, kháng nghị đó là trả tiền công thuê 04 xe hon da chở tôm 560.000 đồng, trả công 02 người kéo tôm 200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông L được chấp nhận toàn bộ nên cần buộc ông V phải bồi thường thiệt hại cho ông L các khoản nêu trên tổng cộng là 79.620.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L nên phải tính lại án phí dân sự sơ thẩm ông V phải chịu là 3.981.000 đồng. Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Quang L;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2017/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 604, khoản 1 Điều 606, Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Quang L “Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” với bị đơn ông Võ Thanh V.

Buộc ông Võ Thanh V bồi thường thiệt hại cho ông Hồ Quang L số tiền là 79.620.000 đồng (gồm 560.000 đồng tiền thuê xe hon da để chở tôm, 200.000 đồng tiền công người kéo tôm, 2.450.000 đồng chi phí xử lý ao trước khi thả tôm, thức ăn tôm 51.810.000 đồng, tôm giống 19.600.000 đồng, công giữ đầm tôm 5.000.000 đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Thanh V phải chịu 3.981.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hồ Quang L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.993.000 đồng theo biên lai thu số 0007690 ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hồ Quang L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Hồ Quang L số 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0009195 ngày 23/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu